

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM
KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD.

Số/ No.:

20251017/KTGD/FUEKIVFS-CBTT

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU
GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 10 năm 2025
Ho Chi Minh City, October 17, 2025

ANNOUNCEMENT AFTER
EXCHANGE TRADING

Kính gửi : Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/ State Securities Commission of Vietnam
Ta : Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Stock Exchange
Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ Authorized Participants/ Investors

- Tên quỹ ETF/ *ETF name*:

- Mã chứng khoán/*Securities symbol*:

- Tên Công ty Quản lý quỹ:
Fund Management company:

- Tên Ngân hàng giám sát/
Supervisory Bank:

- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange date*:

- Đơn vị tính lô ETF/ *Unit*:
- Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT/ KIM GROWTH VNFINSELECT ETF
FUEKIVFS

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam/
KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.

Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam/
Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam

16/10/2025

1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/
1 lot of ETF = 100 000 ETF shares

Chúng tôi thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ *We announce the creation basket as follow:*

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Số lượng Volume	Tỷ lệ % trong danh mục Weight (%)
I. Chứng khoán/ <i>Securities</i>			
1	ACB	5,700	7.63%
2	AGR	100	0.09%
3	APG	200	0.12%
4	BIC	200	0.26%
5	BID	400	0.80%
6	BMI	100	0.10%
7	BSI	100	0.22%
8	BVH	300	0.78%
9	CTG	1,100	3.07%
10	CTS	100	0.22%
11	DSE	200	0.28%
12	EIB	2,000	2.72%
13	EVF	1,000	0.71%
14	FTS	200	0.35%
15	HCM	400	0.54%
16	HDB	3,500	5.90%
17	LPB	3,800	9.98%
18	MBB	5,400	7.49%
19	MIG	100	0.08%
20	MSB	2,900	1.96%
21	NAB	1,800	1.36%
22	OCB	1,000	0.66%
23	ORS	400	0.32%
24	SHB	4,300	3.98%
25	SSB	2,100	2.03%
26	SSI	1,800	3.80%
27	STB	2,400	7.33%
28	TCB	5,200	10.80%
29	TCI	100	0.06%
30	TPB	1,900	1.91%
31	TVS	100	0.09%
32	VCB	1,200	3.82%
33	VCI	600	1.31%
34	VDS	100	0.11%
35	VIB	2,700	2.78%
36	VIX	2,000	4.03%
37	VND	1,500	1.79%
38	VPB	5,800	9.95%
	Tiền/ <i>Cash</i> (VND)	11,251,486	

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spread between a basket and 1 lot of ETF in value*

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ *Basket value* : (VND)

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF* : (VND)

- Giá trị chênh lệch/ *Spread in value* : (VND)
- 1,953,310,000

1,964,561,486

11,251,486

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ *Plan to reduce the spread*
+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:
+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:

Nội tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*
Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/ *In case stock can be replaced by cash:*

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Tiền thay thế tương ứng 1 CP/ Cash Substitution per share (VND)	Đối tượng áp dụng/ Applied to	Lý do/ Reason
1	ACB	26,300	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
2	BIC	26,000	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
3	BID	39,350	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
4	BSI	43,700	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Restriction on buying treasury share without registration
5	BVH	51,000	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
6	TCB	40,800	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
7	VCB	62,500	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
8	VCI	42,750	VCSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Restriction on buying treasury share without registration
9	VIB	20,250	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit

- Các chỉ tiêu khác/ *Other criteria:*

Chỉ tiêu/ Criteria	Kỳ này/ <i>This period</i> (*)	Kỳ trước/ <i>Last period</i> (**)	Chênh lệch/ Difference
	16/10/2025	15/10/2025	
1. Số lô đã phát hành thêm/ <i>Creation units issued</i>			-
2. Số lô đã mua lại/ <i>Creation units redeemed</i>			-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ <i>Outstanding shares</i>	16,700,000	16,700,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ ccq)/ <i>Closing price</i>	19,720.00	19,720.00	-
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ <i>Net asset value at valuation date</i>			
của quỹ ETF/ <i>of the Fund</i>	328,081,768,198	326,093,328,926	1,988,439,272
của 1 lô CCQ ETF/ <i>per ETF creation unit</i>	1,964,561,486	1,952,654,664	11,906,822
của 1 CCQ/ <i>per Share</i>	19,645.61	19,526.54	119.07
6. Chỉ số tham chiếu/ <i>Tracking Index</i>	3,350.71	3,355.45	(4.74)

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại
(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại

15/10/2025
14/10/2025

/ *Item 5 is net asset value at* 15/10/2025
/ *Item 5 is net asset value at* 14/10/2025

Đại diện có thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ
Authorised Representative of Fund Management Company



Yun Hang Jin
TỔNG GIÁM ĐỐC